

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG TÍN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24 /2018/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG TÍN**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Viết Khai và bà Đỗ Thu Dung

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Tín xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/HNGĐST-QĐ ngày 04 tháng 09 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1988 (Có mặt)

HKTT:, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

Hiện trú tại:, huyện Quỳnh Thụ, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Trú tại: xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị T có quan điểm: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29/11/2012 tại UBND xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội. Trước khi kết hôn, vợ chồng có thời gian tìm hiểu và được tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại xóm ..., huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Thời gian đầu chung sống cuộc sống không có gì mâu thuẫn, chị T ở nhà

làm ruộng, anh H làm công ty một thời gian xong nghỉ ở nhà. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn từ khi chị T sinh cháu được 4 tháng, anh H không quan tâm đến vợ con, uống rượu rồi kiêu cố đánh vợ con. Từ tháng 8 năm 2014 do quá bất mãn với cuộc sống vợ chồng như vậy nên chị T đã về nhà mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng chị sống ly thân. Quá trình ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chỉ xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh H.

Theo các lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Văn H có quan điểm: Anh H và chị Thúy kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND xã, huyện Thường Tín, TP. Hà Nội. Chung sống đến năm 2014 chị T bỏ đi đâu anh H không biết, đến nay không về, không có liên lạc gì. Bỏ lại con cho anh H nuôi một mình từ khi cháu chưa được 10 tháng tuổi, mặc dù thời điểm đó hai vợ chồng không có cãi vã hay mâu thuẫn gì. Nay chị T có nguyện vọng xin ly hôn, anh H không đồng ý.

- Về nuôi con sau ly hôn: Vợ chồng thống nhất có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức T (con trai), sinh ngày 23/7/2013. Hiện nay cháu T đang do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, anh H có nguyện vọng tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con chung. Do cháu T đã ở cùng bố từ nhỏ, nên chị T có quan điểm đồng ý cho cháu tiếp tục ở với bố, giao cháu cho anh H trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng và chị đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Tòa án đã gửi giấy triệu tập cho anh H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần nhưng anh H vắng mặt không lý do, việc vắng mặt đã làm ảnh hưởng đến việc

giải quyết vụ án. Do vậy, anh H đã không thực hiện đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 144, 147 Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015; Căn cứ điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị Thúy. Xử lý hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn H .

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T , sinh ngày 23/7/2013 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành hoặc khi có thay đổi khác, và chị T đóng góp phí tổn nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, TP. Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị T , HĐXX nhận thấy rằng:

[3.1] Hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn vào ngày 29/11/2012 tại UBND xã ..., huyện Thường Tín, TP. Hà Nội, thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T , anh H đã có một thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng đã có 01 con chung. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 8 năm 2014 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân, hai người không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tuy trong bản tự khai anh H không đồng ý ly hôn với chị T nhưng thực tế Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến làm việc và 02 lần mở phiên họp hòa giải nhưng anh H đều không chấp hành, không có thiện chí hòa giải để hai vợ chồng hóa giải mâu thuẫn, quay về chung sống với nhau. Qua xác minh tại địa phương, đại diện chính quyền địa phương cũng xác định anh H và chị T sau khi kết hôn chung sống được hơn 2 năm thì năm 2014 chị T bỏ đi đến nay vẫn chưa về, bỏ lại con cho anh H một mình nuôi dưỡng, việc chị T bỏ đi đâu đại diện chính quyền địa phương không nắm được.

Như vậy, từ năm 2014 chị T bỏ đi đến nay vợ chồng anh H , chị T sống ly thân, trong thời gian sống ly thân, hai người không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Việc bỏ đi hơn 4 năm qua của chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng không sống chung với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc hòa giải ly hôn giữa chị T và anh H không có kết quả do đó cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T .

[3.2] Về nuôi con chung sau ly hôn:

Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức T , sinh ngày 23/7/2013. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh H , do anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ lúc 10 tháng tuổi khi chị T bỏ đi đến nay.

Chị T có ý kiến đồng ý để anh Hùng tiếp tục là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Nguyện vọng về việc nuôi con chung của chị T và anh H là chính đáng, do đó giao cháu Nguyễn Đức T cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục là người trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cháu. Chị T đóng góp phí tổn nuôi con chung là 1.500.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 10 năm 2018 đến hết tháng 7 năm 2031.

[3.3] Về tài sản: Các đương sự thống nhất không yêu cầu giải quyết.

[4] Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị T. Chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về nuôi con sau ly hôn:

Giao cháu Nguyễn Đức T cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp nuôi đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Chị Đặng Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 1.500.000 đồng/1 tháng kể từ tháng 10 năm 2018 đến hết tháng 7 năm 2031

Chị Đặng Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản: Chị Đặng Thị T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Đặng Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được đối trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2015/0006888 ngày 12/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Tín, TP. Hà Nội.

Chị Đặng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thường Tín;
- Chi cục THADS huyện Thường Tín;
- UBND xã Hà Hồi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Tuấn